SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐẠO TÀO

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

**GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC – HỌC KÌ II - TUẦN 11, 12**

**MÔN Tin HỌC – KHỐI 11**

| **NỘI DUNG** | |
| --- | --- |
| **Tên bài học/ chủ đề** | **Chủ đề 5: TỆP VÀ thao tác VỚI TỆP**  **Bài 16. ví dụ làm việc với tệp** |
| **Hoạt động 1: *Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.*** | 1. **Tài liệu tham khảo:**  * Sách giáo khoa Tin học 11 (bản chuẩn):   Bài 14: Kiểu dữ liệu tệp + Bài 15: Thao tác với tệp   * Video bài giảng:   Bài 14 + 15:  <https://youtu.be/UqyU3Dx8Itw?list=PL0m7CL-Dv3NcxEahiU6P-J48Wj5ukuTUz>   * Tóm tắt kiến thức cần ghi nhớ (phụ lục 1 – đính kèm) * Mục tiêu **bài 14**: **Kiểu dữ liệu tệp + Bài 15: Thao tác với tệp** * Về kiến thức: * Hiểu được khái niệm kiểu dữ liệu tệp; * Nắm được các thao tác xử lí tệp: gán tên tệp, mở/đóng tệp, đọc/ghi tệp; * Về kĩ năng: * Có thể lấy dữ liệu từ một tệp hoặc lưu dữ liệu dưới dạng tệp văn bản; * Ghi nhớ và biết sử dụng một số câu lệnh, hàm và thủ tục chuẩn; * Vận dụng kiến thức liên môn tích hợp giữa môn tin học, toán học và vật lí để xử lí tính toán khoảng cách giữa hai điểm và điện trở tương đương; * Về thái độ: * Thấy được sự cần thiết và tiện lợi của kiểu dữ liệu tệp; * Có ý thức lưu trữ dữ liệu một cách khoa học, phòng chống mất mát hoặc nhiễm virus; * Rèn luyện tác phong làm việc độc lập, sáng tạo;  1. **Yêu cầu:**  * Học sinh ghi chép cẩn thận phụ lục 1 vào vở bài tập, cần đánh dấu, tô màu các cú pháp (bộ qui tắc để viết chương trình) học sinh thấy khó ghi nhớ, các ví dụ, các chú ý, các trình tự thao tác. Khi đánh dấu, tô màu, kẻ bảng, kẻ khung, gạch dưới, vẽ hình cần cẩn thận, rõ, sạch. * Trong quá trình đọc và ghi chép, nếu thắc mắc học sinh điền vào Phiếu tổng hợp thắc mắc (phụ lục 2 – đính kèm) và sớm liên hệ với giáo viên để được kịp thời giải đáp. |
| **Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.** | * Hoàn thành phiếu học tập (phụ lục 3 – đính kèm), chụp và nộp lại theo yêu cầu của giáo viên. |

**PHỤ LỤC 1**

# **CHƯƠNG IV. KIỂU DỮ LIỆU CÓ CẤU TRÚC**

## BÀI 16. VÍ DỤ LÀM VIỆC VỚI TỆP

**Ví dụ 1:** Một trường trung học phổ thông tổ chức cho giáo viên và học sinh của trường đi cắm trại, sinh hoạt ngoài trời ở vườn quốc gia Cúc Phương. Để lên lịch đến thăm khu trại các lớp, thầy hiệu trưởng cần biết khoảng cách từ trại của mình (**ở vị trí (0,0)**) đến trại của các giáo viên chủ nhiệm.

Mỗi lớp đều có 1 khu trại, vị trí các trại của mỗi giáo viên chủ nhiệm đều có tọa độ nguyên (x,y) được ghi trong tệp văn bản TRAI.TXT (như vậy, tệp TRAI.TXT chứa liên tiếp các cặp số nguyên cách nhau bởi dấu cách và không kết thúc bằng tí tự xuống dòng.

**Chương trình mẫu**

program khoang\_cach;

var d:real; f:text; x,y: integer;

begin

assign(f,’trai.txt’);

reset(f);

while not eof(f) do

begin

read(f,x,y);

d:=sqrt(x\*x+y\*y);

writeln(‘khoang cach :’, d:10:2)

end;

close(f);

readln

end.

|  |
| --- |
| **TÓM TẮT** |
| * Việc trao đổi dữ liệu với bộ nhớ ngoài được thực hiện thông qua kiểu dữ liệu tệp. * Để có thể làm việc với tệp cần phải khai báo biến tệp. * Mỗi ngôn ngữ lập trình đều có các hàm/thủ tục chuẩn để làm việc với tệp. * Các thao tác với tệp văn bản: * Khai báo biến tệp, mở tệp và đóng tệp * Đọc/ghi: tương tự như làm việc với bàn phím và màn hình. |

**PHỤ LỤC 2**

**PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC   
CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – HỌC KÌ II - TUẦN 11, 12**

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 11A…

Họ tên học sinh: Stt:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BÀI** | **NỘI DUNG HỌC TẬP** | **CÂU HỎI CỦA HỌC SINH** |
| 16. Ví dụ làm việc với tệp | Mục: …  Phần: … |  |
|  |  |  |

**PHỤ LỤC 3**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Phần 1. Câu hỏi**

# CHƯƠNG V. TỆP VÀ THAO TÁC VỚI TỆP

## BÀI 16: VÍ DỤ LÀM VIỆC VỚI TỆP

1. Nếu hàm eof(<tên biến tệp>) cho giá trị bằng true thì con trỏ tệp nằm ở vị trí:
2. Đầu dòng.
3. Đầu tệp.
4. Cuối dòng.
5. Cuối tệp.
6. Nếu hàm eoln(<tên biến tệp>) cho giá trị bằng true thì con trỏ tệp nằm ở vị trí:
7. Đầu dòng.
8. Đầu tệp.
9. Cuối dòng.
10. Cuối tệp.
11. Cho biết **f1** là biến tệp văn bản và tệp **TRAI.txt** có chứa tọa độ của các trại mà thầy hiệu trưởng cần tới tham quan. Biết các tọa độ cách nhau bởi dấu khoảng cách và không chứa kí tự xuống dòng. Hãy cho biết ý nghĩa câu lệnh sau:

assign(f1, ‘trai.txt’);

reset(f1); readln(f1, x1,y1);

1. Mở tệp f1 ra để ghi dữ liệu.
2. Mở tệp f1 ra để đọc dữ liệu.
3. Mở tệp f1 ra để ghi dữ liệu và ghi giá trị x1 và y1 vào tệp trai.txt.
4. Mở tệp f1 ra để đọc dữ liệu và lấy 2 giá trị trong tệp trai.txt và gán cho biến x1, y1.
5. Trong mặt phẳng hệ tọa độ Descartes vuông góc, cho 2 điểm  và . Hãy viết câu lệnh tính khoảng cách **d** từ điểm M đến N:
6. d:= sqrt(sqr(x1–x2)+sqr(y1–y2));
7. d:= sqrt(sqr(x1+ x2)–sqr(y1+y2));
8. d:= sqr(sqrt(x1–x2)+sqrt(y1–y2));
9. d:= sqr(sqrt(x1+x2)–sqrt(y1+y2));
10. Trong mặt phẳng hệ tọa độ Descartes vuông góc, cho điểm . Hãy viết câu lệnh tính khoảng cách **d** từ điểm M đến gốc tọa độ O:
11. d:= sqr(x\*x + y\*y);
12. d:= sqr(x\*x – y\*y);
13. d:= sqrt(sqr(x) + sqr(y));
14. d:= sqr(sqrt(x) + sqrt(y));
15. Cho biết **f1** là biến tệp văn bản và tệp **TRAI.txt** có chứa tọa độ của các trại mà thầy hiệu trưởng cần tới tham quan. Biết các tọa độ cách nhau bởi dấu khoảng cách và không chứa kí tự xuống dòng. Hãy cho biết ý nghĩa câu lệnh sau:

while not eof(f) do

begin

read(f,x,y); d:=sqrt(x\*x+y\*y);

writeln(‘khoang cach :’, d:10:2);

end;

1. Trong khi con trỏ chưa chỉ tới cuối dòng thì còn lấy 2 giá trị để gán vào 2 biến x và y sau đó tính và in khoảng cách ra màn hình.
2. Trong khi con trỏ chưa chỉ tới cuối dòng thì còn lấy 2 giá trị để gán vào 2 biến x và y sau đó tính và ghi khoảng cách vào tệp Trai.txt.
3. Trong khi con trỏ chưa chỉ tới cuối tệp thì còn lấy 2 giá trị để gán vào 2 biến x và y sau đó tính và in khoảng cách ra màn hình.
4. Trong khi con trỏ chưa chỉ tới cuối tệp thì còn lấy 2 giá trị để gán vào 2 biến x và y sau đó tính và ghi khoảng cách vào tệp Trai.txt.

**Phần 2. Trả lời**

1. **Phiếu trả lời câu hỏi trắc nghiệm bài 16:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **Đáp án** | **01** | **02** | **03** | **04** | **05** | **06** |
| **A** | **** | **** | **** | **** | **** | **** |
| **B** | **** | **** | **** | **** | **** | **** |
| **C** | **** | **** | **** | **** | **** | **** |
| **D** | **** | **** | **** | **** | **** | **** |